

Số: 03 /NQ-HĐND

Nghĩa Sơn, ngày 24 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt quyết toán thu, chi ngân sách xã Nghĩa Sơn năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NGHĨA SƠN
KHÓA XIII – KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 9394/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách huyện năm 2024;

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 02 cấp;

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn về việc xin phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách xã Nghĩa Sơn năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2024

A. PHẦN THU

Nội dung	Chỉ tiêu huyện giao	Nghị quyết HĐND giao	Quyết toán	So sánh (%)	
				Chỉ tiêu	Nghị Quyết
	1	2	3	5 = 3/1	6 = 3/2
Tổng số thu	4.944.772.000	4.944.772.000	6.445.516.388	130,35	130,35
I. Các khoản thu 100%			31.446.457		
1. Phí, lệ phí			1.600.000		
2. Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi cộng sản khác			16.766.788		
3. Thu từ hoạt động kinh tế, sự nghiệp					

4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			5.000.000		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định					
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định					
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân					
8. Thu khác			8.079.669		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)			11.409.653		
1. Các khoản thu phân chia			11.409.653		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định					
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)					
IV. Thu chuyển nguồn			327.968.531		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước					
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.944.772.000	4.944.772.000	6.074.691.747	122,85	122,85
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.657.559.000	4.657.559.000	4.657.559.000	100,00	100,00
2. Bổ sung có mục tiêu	287.213.000	287.213.000	1.417.132.747	493,41	493,41

B. PHÂN CHI

Nội dung	Chỉ tiêu huyện giao	Nghị quyết HĐND giao	Quyết toán	So sánh (%)	
				Chỉ tiêu	Nghị Quyết
	1	2	3	5 = 3/1	6 = 3/2
Tổng số chi	4.944.772.000	4.944.772.000	6.445.516.388	130,35	130,35
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	103.510.000	332.110.000	350.404.800	388,52	105,51
1.1. Chi dân quân tự vệ	5.775.000	164.375.000	164.062.000	2.840,90	99,81
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	97.735.000	167.735.000	186.342.800	190,66	111,09
2. Chi giáo dục					
3. Chi y tế					
4. Chi văn hóa, thông tin	22.869.000	87.869.000	92.814.800	405,85	105,63
5. Chi phát thanh, truyền thanh	5.775.000	5.775.000	5.775.000	100,00	100,00
6. Chi thể dục, thể thao	6.353.000	26.353.000	25.810.000	406,26	97,94

7. Chi bảo vệ môi trường	5.775.000	5.775.000	5.769.000	99,90	99,90
8. Chi các hoạt động kinh tế	121.037.000	114.807.000	288.321.310	238,21	251,14
8.1. Giao thông		30.000.000	60.228.940		200,76
8.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản		84.807.000	228.092.370		268,95
8.3. Các hoạt động kinh tế khác					
9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.661.780.000	4.336.308.000	5.033.047.767	116,07	116,07
9.1. Quản lý Nhà nước		3.887.316.000	4.585.498.990		117,96
9.1.1. Quỹ lương		2.762.625.000	3.164.106.784		114,53
9.1.2. Hội đồng nhân dân		289.320.000	295.881.223		102,27
9.1.3. Ủy ban nhân dân		835.371.000	1.125.510.983		134,73
9.2. Đảng Cộng sản Việt Nam		198.492.000	213.535.373		107,58
9.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam		86.100.000	77.864.492		90,43
9.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM		56.100.000	54.095.431		96,43
9.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ		36.100.000	33.966.229		94,09
9.6. Hội Cựu chiến binh		41.100.000	39.012.752		94,92
9.7. Hội Nông dân		31.100.000	29.074.500		93,49
9.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)					
10. Chi cho công tác xã hội	8.175.000	35.775.000	452.533.447	5.535,58	1.264,94
10.1. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng		30.000.000	39.712.800		132,38
10.2. Khác	8.175.000	5.775.000	412.820.647	5.049,79	7.148,41
11. Nộp trả ngân sách cấp trên			9.398.880		
12. Chi khác	23.240.000				
13. Tiết kiệm chi để lại	130.525.000				
14. Dự phòng	116.783.000				
15. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			181.641.384		

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện Tư Nghĩa;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- CT, các PCT UBND;
- CC. Tư pháp – Hộ tịch;
- UBMT, Các ban ngành Hội đoàn thể;
- 13 vị Đại biểu HĐND;
- Lưu: VT, TT HĐND, TC.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sơn